

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Khu đô thị phía Nam cây xăng dầu Việt Hưng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1731/STNMT-CCBVMT ngày 30/6/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khu đô thị phía Nam cây xăng dầu Việt Hưng của Công ty TNHH Grand Việt Hưng;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu đô thị phía Nam cây xăng dầu Việt Hưng đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 02/CV-ĐTM ngày 04/8/2022 của Công ty TNHH Grand Việt Hưng;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 693/TTr-STNMT ngày 26/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM Dự án Khu đô thị phía Nam cây xăng dầu Việt Hưng (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Grand Việt Hưng (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Tam Quan và phường Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND thị xã Hoài Nhơn;
- UBND phường Tam Quan;
- UBND phường Tam Quan Bắc;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU ĐÔ THỊ PHÍA NAM CÂY XĂNG DẦU VIỆT HUNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu đô thị phía Nam cây xăng dầu Việt Hưng.
- Địa điểm thực hiện: phường Tam Quan và phường Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: Công ty TNHH Grand Việt Hưng.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Tổng diện tích: 9,9036 ha.
- Quy mô: xây dựng nhà ở thương mại, nhà ở liên kế (364 căn); dân số khoảng 1.820 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: san nền, xây dựng nhà ở thương mại, nhà ở liên kế (364 căn), 01 tòa trung tâm thương mại với diện tích sàn 10.739,63 m², 01 trường mầm non với diện tích 157,21 m², 01 nhà sinh hoạt cộng đồng với diện tích 157,21 m²; hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp điện, nước, hệ thống thu gom và thoát nước mưa, hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 169 m³/ngày.đêm, 01 khu vực tập kết phương tiện, dụng cụ thu gom rác thải sinh hoạt có diện tích 10 m², diện tích đất cây xanh, công viên khoảng 9.595 m².

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 95.535 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động san lấp mặt bằng: phát sinh bụi, khí thải từ các thiết bị thi công; nguy cơ ô nhiễm nguồn nước mặt của các mương nội đồng xung quanh dự án.

- Hoạt động thi công xây dựng: phát sinh nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; bụi và khí thải từ các thiết bị thi công, nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,8 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao.

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công, phát sinh với lưu lượng khoảng 5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt của các hộ dân phát sinh với lưu lượng khoảng 169 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, H₂S, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 50 - 70 kg. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông,...

- Đất bóc phong hóa hữu cơ phát sinh với khối lượng khoảng 45.630 m³. Thành phần chủ yếu là bùn, đất.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 16 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn hoạt động

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 1.520 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại.

Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công, xây dựng phát sinh với khối lượng khoảng 100 kg/20 tháng thi công. Thành phần: bóng đèn huỳnh quang

thải, cặn sơn, dầu mỡ thải,...

3.3. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp (đặc biệt là đất trồng lúa) tác động đến đa dạng sinh học tại khu vực dự án và sinh kế của 150 hộ dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các rãnh, mương thoát nước mưa tạm thời trong khu vực dự án, đảm bảo không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động, sau khi đầy hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn

+ Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án được thiết kế tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Toàn bộ nước mưa được thu gom bằng cống bê tông ly tâm D600, D800, D1000, D1200, đầu nối vào tuyến cống chính D1500 dọc theo đường Quốc lộ 1A cũ và thoát ra mương hiện trạng phía Đông Bắc bằng 01 cửa xả, rồi đổ ra sông Thiên Chánh.

+ Xây dựng tuyến cống B2500, D600 dọc đường QL1A mới, QL 1A cũ và đường nội bộ dự án (chạy dọc đường N3), để hoàn trả các tuyến kênh mương nội đồng phục vụ việc tiêu thoát nước cho đồng ruộng phía Tây và phía Nam dự án.

- Nước thải sinh hoạt

+ Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tại các hộ dân, sau đó thu gom bằng tuyến cống thoát nước thải D200, D315 dọc vỉa hè các tuyến đường trong khu đô thị và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 169 m³/ngày.đêm tại phía Đông Bắc dự án, xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B, K=1,0 và thoát ra mương tiêu thoát nước nội đồng phía Đông Bắc dự án.

+ Sơ đồ công nghệ của hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt (sau xử lý sơ bộ) → Hồ gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể sinh học MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Mương tiêu thoát nước nội đồng phía Đông Bắc dự án.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu được phủ bạt kín giảm thiểu bụi phát tán và tránh rơi vãi.

- Phun nước thường xuyên trên công trường thi công giảm thiểu bụi phát sinh với tần suất 2 lần/ngày.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Đất bóc phong hóa hữu cơ được thu gom, vận chuyển đổ thải tại thửa số 01 tờ bản đồ số 01 thuộc khu phố Trường Sơn Tây, phường Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn với diện tích 4 ha, chiều cao đống thải trung bình 1,2 m; bố trí kè rọ đá với tổng chiều dài 235 m tại khu vực hạ lưu phía Bắc để hạn chế sạt lở, cuốn trôi đất.

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công được thu gom và xử lý theo quy định.

- Trang bị các thùng đựng rác sinh hoạt có nắp đậy đặt tại khu vực lán trại và hợp đồng với đơn vị thu gom và vận chuyển xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

b) Giai đoạn hoạt động

Bố trí khu vực tập kết phương tiện, dụng cụ thu gom rác thải sinh hoạt với diện tích khoảng 10 m² tại khu vực quy hoạch cây xanh trên tuyến đường D1.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết và hợp đồng với đơn vị có chức năng trên địa bàn thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa (11h30 - 13h30), không hoạt động trong khoảng thời gian từ 21h00 đến 6h00 sáng hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

- Thi công hoàn thành các hạng mục san nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các mương, rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

- Xây dựng tuyến cống B2500, D600 dọc đường QL1A mới, QL 1A cũ và đường nội bộ dự án (chạy dọc đường N3), để hoàn trả các tuyến kênh mương nội đồng phục vụ việc tiêu thoát nước cho đồng ruộng phía Tây và phía Nam dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1 Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

a) Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát:

+ Khu vực phía Đông Bắc dự án, đoạn gần khu dân cư hiện trạng (KK1), tọa độ: 1611932.96; 585962.77.

+ Khu vực phía Tây Nam dự án, đoạn gần khu dân cư hiện trạng (KK2), tọa độ: 1611689.34; 585702.44.

- Chỉ tiêu giám sát: hàm lượng bụi, tiếng ồn.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.

b) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại: khối lượng phát sinh, thành phần phát sinh, quá trình thu gom và lưu giữ.

5.2. Chương trình giám sát nước thải giai đoạn vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải.

- Vị trí giám sát: tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải (tọa độ: 585923,71; 1611947,77).

- Chỉ tiêu giám sát: lưu lượng, pH, BOD5, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Sunfua (tính theo H2S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO3-), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO43-), Tổng Coliforms.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT cột B, K=1,0.

- Tần suất quan trắc: theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

- Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.